

Số: 02474 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với
bảo vệ và phát triển rừng bền vững giai đoạn 2026 - 2030
trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định thi hành chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp có hiệu lực từ ngày 18/7/2024;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1662/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Bảo vệ và phát triển rừng ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030”;

Căn cứ Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 24/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 06-KH/TU ngày 24/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện chính sách đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Căn cứ Công văn số 6490/BNNMT-LNKL ngày 09/9/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc xây dựng, triển khai kế hoạch, dự toán NSNN năm 2026 thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng, phát triển lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 583/TTr-SNNMT ngày 18/12/2025 và ý kiến của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ và phát triển rừng bền vững giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (kèm theo Kế hoạch).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và MT (b/c);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng NN-XD;
- Lưu: VT, Gi9.1/KH, KP01/01.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lữ Quang Ngời

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ LÂM NGHIỆP GẮN VỚI BẢO VỆ
VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU**

(Kèm theo Quyết định số 02474 /QĐ-UBND ngày 31/12/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 24/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Kế hoạch số 06-KH/TU ngày 24/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện chính sách đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau xây dựng “*Kế hoạch phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ và phát triển rừng bền vững giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau*”.

Để đảm bảo văn bản cụ thể hóa, tổ chức thực hiện Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy sát với điều kiện thực tế của ngành, lĩnh vực, địa phương. Đồng thời phù hợp với quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện trong thời gian tới của Đảng, Nhà nước; đảm bảo cơ sở pháp lý, các chủ trương, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào điều kiện thực tế của tỉnh nhằm khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của lĩnh vực lâm nghiệp để phát triển, huy động tối đa các nguồn lực, đa dạng hóa phương thức đầu tư; lấy vốn đầu tư công là “vốn môi” theo phương châm đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư; tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước để tập trung đầu tư phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ và phát triển rừng tạo sự lan tỏa và có tác động lớn đến phát triển kinh tế lâm nghiệp. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, nhằm đảm bảo tính thống nhất trong thực hiện, đồng bộ, không trùng lặp nhiệm vụ giữa các kế hoạch của cùng lĩnh vực lâm nghiệp. Đảm bảo sự chỉ đạo điều hành, tập trung thống nhất của các cấp ủy đảng, chính quyền, phân công nhiệm vụ đảm bảo 06 rõ để tổ chức triển khai, thực hiện với tinh thần quyết tâm cao nhất. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu của các cấp ủy đảng, chính quyền và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao; lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, đảm bảo Kế hoạch thực hiện hiệu quả. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất tên gọi của kế hoạch là “*Kế hoạch*”

phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ và phát triển rừng bền vững giai đoạn 2026 -2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau". Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng, phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2026 - 2030, không xây dựng riêng, mà được tích hợp chung trong kế hoạch này.

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Luật Đất đai năm 2024;

Luật Đa dạng sinh học năm 2008;

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Luật Đầu tư công năm 2024;

Luật Ngân sách nhà nước năm 2025;

Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ);

Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 1662/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Bảo vệ và phát triển rừng ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030";

Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 1598/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bạc Liêu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 24/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Kế hoạch số 06-KH/TU ngày 24/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện chính sách đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Công văn số 6490/BNNMT-LNKL ngày 09/9/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc xây dựng, triển khai kế hoạch, dự toán NSNN năm 2026 thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng, phát triển lâm nghiệp.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Kết quả đạt được:

Trong giai đoạn năm 2021 - 2025, tỉnh Cà Mau (bao gồm Bạc Liêu) đã tích cực tổ chức triển khai đồng bộ nhiều giải pháp thiết thực để thực hiện kế hoạch phát triển lâm nghiệp bền vững và đạt các chỉ tiêu đề ra, kết quả cao:

- Tổng diện tích trồng rừng mới 1.879,4 ha, trong đó: Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng ven biển 1.041,4 ha (trồng mới 772,4 ha, trồng bổ sung phục hồi rừng, làm giàu rừng 269 ha); trồng rừng sản xuất kết hợp phòng hộ 838 ha; khoanh nuôi tái sinh rừng 550 ha (khoanh nuôi mới và chuyển tiếp).

- Trồng cây phân tán 14.489.000 cây, trong đó: Ngân sách nhà nước hỗ trợ cây giống trồng mỗi năm 36.000 cây gỗ lớn, còn lại là trồng cây phân tán từ nguồn vốn tự có của các tổ chức, cá nhân, phát động trồng cây trong dân (bình quân mỗi năm 2.764.000 cây).

- Tổng vốn đầu tư ước thực hiện đến ngày 30/12/2025 là: 87.490 triệu đồng. Trong đó: Trồng rừng tập trung (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất) là 48.804 triệu đồng (ngân sách nhà nước 17.318 triệu đồng; vốn ODA 14.411 triệu đồng; vốn khác 20.609 triệu đồng). Trồng cây phân tán là 38.686 triệu đồng (ngân sách nhà nước 6.851 triệu đồng; các nguồn hợp pháp khác 31.835 triệu đồng).

- Tổng diện tích trồng lại rừng sau khai thác: 18.019 ha.

- Bảo vệ tốt diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng, rừng sản xuất hiện có; các hoạt động bảo vệ rừng, trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng được thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu đề ra, góp phần cải thiện môi trường sinh thái, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao thu nhập từ rừng.

- Khai thác chính gỗ rừng trồng bình quân đạt 600.000 m³/năm, năm 2025 đạt khoảng 650.000 m³.

- Khu vực rừng U Minh Hạ hầu hết diện tích rừng sản xuất đã áp dụng mô hình lên lúp trồng rừng thâm canh, đây là một bước tiến quan trọng trong sản xuất lâm nghiệp tại U Minh Hạ, mang lại hiệu quả kinh tế cao, gắn trồng rừng với chế biến lâm sản¹.

- Khu vực rừng ngập mặn thực hiện các giải pháp cải tạo mặt bằng để trồng rừng, kè giảm sóng, gây bồi tạo bãi để trồng rừng ven biển đã tăng diện tích rừng, chất lượng rừng, nâng cao tỷ lệ che phủ của rừng góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Trong các hộ được giao, khoán rừng và đất lâm nghiệp, tăng cường phát triển mô hình sản xuất rừng - tôm bền vững có chứng nhận tôm sinh thái (hữu cơ) theo tiêu chuẩn quốc tế, để tăng thu nhập².

2. Những tồn tại, khó khăn:

- Diễn biến thời tiết bất thường nắng hạn kéo dài, tình trạng sạt lở bờ biển chưa được kiểm soát đang làm tăng nguy cơ mất rừng phòng hộ ven biển. Diện tích rừng phòng hộ ven biển ở một số vị trí hiện nay đang bị xói lở mạnh, ngoài các giải pháp kè bê tông với chi phí cao, chưa có giải pháp hữu hiệu và chi phí thấp để hạn chế xói lở một cách hiệu quả.

- Chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho trồng rừng mới hiện nay theo quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ, không có chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng mới cho rừng sản xuất đối với chủ rừng là tổ chức. Tuy nhiên, tỉnh Cà Mau có diện tích khá lớn đất rừng ngập mặn được quy hoạch là rừng sản xuất trong các ban quản lý rừng phòng hộ, công ty TNHH 100% vốn nhà nước (diện tích đã giao khoán ổn định cho hộ gia đình, cá nhân), chi phí đầu tư trồng rừng lớn, chu kỳ khai thác rừng dài³, đa số các hộ chưa đủ khả năng tự đầu tư ảnh hưởng đến kế hoạch trồng rừng mới của các tổ chức quản lý rừng.

- Diện tích đất trống ở các khu rừng phòng hộ, đặc dụng đã được khôi phục hết trong các năm qua. Hiện nay, diện tích có khả năng trồng rừng phần lớn tập trung ở khu vực rừng sản xuất trong các hộ nhận khoán khu vực rừng ngập mặn, nhưng nhỏ lẻ, manh mún, đồng thời liên quan trực tiếp đến sinh kế, sản xuất kết hợp người dân nên việc khôi phục rừng cũng gặp khó khăn.

- Tác động của biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng, tỷ lệ sống rừng trồng; năng suất nuôi thủy sản giảm sút, dịch bệnh gia tăng, giá bán lâm sản không ổn định, chưa có nhà máy chế biến gỗ, chưa có liên kết tiêu thụ sản phẩm gỗ rừng trồng.

III. KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

¹ Diện tích rừng lên lúp thâm canh đạt khoảng 27.000 ha/30.000 ha rừng sản xuất tại U Minh Hạ (trong số 27.000 ha lên lúp loài cây keo lai, keo lá tràm là khoảng 14.500 ha, còn lại là tràm lá dài và tràm cừ).

² Diện tích rừng - tôm bền vững có chứng nhận quốc tế (hữu cơ) đạt khoảng 30.500 ha/5.800 hộ.

³ Trồng rừng được khoảng 15 năm mới được khai thác, nhưng giá trị gỗ được không cao và không ổn định.



1. Sự cần thiết phải xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ và phát triển rừng bền vững giai đoạn 2026 - 2030

Tỉnh Cà Mau có tổng diện tích tự nhiên 794.239,2 ha, với ba mặt giáp biển, tổng chiều dài bờ biển khoảng 310 km (bờ biển phía Đông dài 163 km và bờ biển phía Tây dài 147 km), có 64 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh. Diện tích rừng và đất lâm nghiệp theo kết quả thống kê đất đai năm 2024 là 148.223 ha, diện tích có rừng tập trung đến ngày 31/12/2024 là 96.482,21 ha. Trong điều kiện hoàn cảnh mới hiện nay, toàn thế giới đang rất quan tâm đến bảo vệ và phát triển những vùng đất ngập nước ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Theo tính toán của các nhà khoa học, Cà Mau là tỉnh có khả năng sẽ bị ảnh hưởng nặng nề nhất của Việt Nam. Trong thực tế các năm gần đây hiện tượng triều cường dâng cao bất thường, sạt lở bờ biển đang xảy ra rất nghiêm trọng trên dải bờ biển của tỉnh, làm thiệt hại mỗi năm hàng trăm ha rừng, làm mất đất rừng, biển ăn sâu dần vào rừng phòng hộ. Việc đầu tư cho bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ sẽ tiếp tục được quan tâm trong giai đoạn 2026 - 2030 và các năm tiếp theo. Ngoài ngân sách nhà nước đầu tư, tỉnh Cà Mau cũng sẽ tiếp tục huy động các nguồn vốn đầu tư hợp pháp của các tổ chức, cá nhân cho công tác bảo vệ và phát triển rừng ven biển. Song song với nội dung đó là thực hiện các giải pháp thúc đẩy sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư, thúc đẩy phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ và phát triển rừng để người dân là trung tâm của nguồn lực bảo vệ và phát triển rừng.

2. Quan điểm chỉ đạo thực hiện

- Thống nhất nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt của rừng trong phòng hộ, chống sạt lở, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng trên cơ sở phát huy những kết quả đạt được và khắc phục những hạn chế, bất cập của giai đoạn 2021 - 2025; phù hợp với các chủ trương, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia, quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan, đảm bảo hiệu quả bền vững, hài hòa lợi ích giữa Nhà nước với lợi ích của các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; góp phần cùng cả nước thực hiện các cam kết của Việt Nam khi tham gia công ước, điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Nhà nước ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách (Trung ương, địa phương), kêu gọi đầu tư, huy động các nguồn vốn đầu tư hợp pháp khác để đầu tư bảo vệ và phát triển rừng.

- Nhà nước tạo cơ chế, chính sách hưởng lợi để thu hút các thành phần kinh tế, hộ gia đình, cộng đồng dân cư tham gia đầu tư bảo vệ và phát triển rừng; đồng thời phát huy tính chủ động của chính quyền địa phương, các chủ rừng trong triển khai thực hiện các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.

3. Mục tiêu, nhiệm vụ

a) Mục tiêu chung

- Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ và phát triển rừng, nhằm chuyển dịch từ bảo vệ và phát triển rừng truyền thống sang phát triển kinh tế lâm nghiệp, tiến tới lâm nghiệp trở thành một lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật hiện đại và quan trọng của tỉnh, phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển chuỗi giá trị ngành hàng lâm sản và tăng cường liên kết giữa các thành phần kinh tế.

- Quản lý, bảo vệ, khôi phục và phát triển, sử dụng rừng bền vững diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ, rừng sản xuất hiện có và diện tích rừng được tạo mới trong giai đoạn 2026 - 2030. Phát huy hiệu quả vai trò, chức năng của rừng trong việc bảo tồn đa dạng sinh học, phòng hộ, bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, kết hợp phát triển du lịch sinh thái, phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người dân, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh khu vực ven biển và hải đảo.

b) Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể:

- Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có và diện tích rừng được tạo ra trong giai đoạn năm 2026 - 2030, trong đó bảo vệ rừng đặc dụng, phòng hộ bình quân 43.800 ha/năm.

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân đạt 4 - 5%/năm, năng suất rừng trồng đạt bình quân 30m³/ha/năm; diện tích rừng trồng sản xuất thâm canh đạt 30.000 ha; diện tích rừng - tôm kết hợp bền vững có chứng nhận (tôm sinh thái - hữu cơ) đạt khoảng 38.000 ha.

- Phát triển kinh tế trên cơ sở các giá trị đa dụng của rừng (nông - lâm - ngư kết hợp hiệu quả, dược liệu, lâm sản ngoài gỗ,...), góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người tham gia các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng. Đến năm 2030, thu nhập từ rừng là rừng sản xuất tăng bình quân khoảng 1,5 lần/đơn vị diện tích so với năm 2025 ở khu vực U Minh Hạ⁴ và khoảng 1,2 lần/đơn vị diện tích ở khu vực rừng ngập mặn⁵.

- Trồng rừng mới: Rừng phòng hộ, đặc dụng, sản xuất (trong đó có trồng rừng tại các bãi bồi, kè lấn biển, trồng rừng thay thế) giai đoạn 2026 - 2030 là 900 ha, bình quân 180 ha/năm.

- Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên (khoanh nuôi mới và chuyển tiếp) rừng đặc dụng, phòng hộ bình quân 150 ha/năm.

- Trồng lại rừng sau khai thác tổng diện tích dự kiến 21.500 ha, bình quân 4.300 ha/năm.

⁴ Hiện nay thu nhập của hộ trồng rừng keo lai bình quân khoảng 45 triệu đồng/ha/năm (từ gỗ 35 triệu đồng; từ cá, chuỗi, thu nhập khác 10 triệu đồng).

⁵ Hiện nay thu nhập bình quân khoảng 30 triệu đồng/ha/năm (từ gỗ khoảng 16 triệu đồng và từ tôm, cua,... khoảng 14 triệu đồng).



- Chăm sóc rừng mới trồng trong giai đoạn kiến thiết, bình quân 11.000 ha/năm (04 năm sau khi trồng).

- Phát động trồng cây xanh phân tán trong nhân dân ở nông thôn, đô thị, ven sông, kênh rạch, bờ mương, bờ thửa, đất vườn nhà, đường giao thông,... bình quân 1,0 triệu cây/năm.

- Khai thác rừng trồng bình quân 4.300 ha/năm; sản lượng gỗ khai thác bình quân 680.000 m³/năm.

- Tỷ lệ che phủ của rừng đến năm 2030 đạt khoảng 12,4%.

- Rà soát, ban hành hoàn thiện danh mục loài cây trồng, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp phục vụ sản xuất, bảo vệ và phát triển rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng; tạo điều kiện cho phát triển công nghiệp chế biến gỗ, liên kết tiêu thụ sản phẩm từ rừng, phát triển kinh tế - xã hội vùng rừng.

- Thực hiện các hoạt động nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu cho các tổ chức và cộng đồng dân cư vùng ven biển; xây dựng và thực hiện các mô hình phát triển sinh kế cho cộng đồng, người dân tham gia bảo vệ và phát triển rừng.

- Sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức quản lý rừng do nhà nước đang làm chủ sở hữu, đáp ứng với yêu cầu trong tình hình mới.

- Xây dựng và thực hiện các đề tài, đề án, dự án thuộc kế hoạch để triển khai thực hiện.

- 100% các chủ rừng là tổ chức xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững; khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân là chủ rừng liên kết để xây dựng phương án quản lý rừng bền vững. Diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt khoảng 10.000 ha.

- Thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với sử dụng nguồn nước, du lịch sinh thái, trong nuôi thủy sản; bước đầu triển khai thực hiện các dự án chi trả dịch vụ môi trường rừng trong lĩnh vực tăng hấp thụ, giảm phát thải khí nhà kính (Khảo sát cơ sở dữ liệu; xây dựng hệ thống MRV; thí điểm tín chỉ các - bon rừng,...).

- Một số chỉ tiêu chính thực hiện Kế hoạch, theo Phụ lục 01 (đính kèm).

- Tổng khối lượng các hạng mục thực hiện Kế hoạch, theo Phụ lục 02 (đính kèm).

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện Kế hoạch, theo Phụ lục 03 (đính kèm).

- Danh mục các nhiệm vụ và các dự án đầu tư, theo Phụ lục 04 (đính kèm).

c) Phạm vi, quy mô:

- Kế hoạch phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ và phát triển rừng bền vững giai đoạn 2026 - 2030 được thực hiện trên địa bàn tỉnh với các chủ rừng là tổ

chức, hộ gia đình, cá nhân; đối với địa bàn xã, phường không có đất quy hoạch lâm nghiệp thực hiện kế hoạch trồng cây phân tán, bảo vệ động vật hoang dã và các nội dung khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

- Không bao gồm: Các dự án trồng rừng, trồng cây xanh, tài trợ bằng sản phẩm; các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, nguồn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam (các chương trình, dự án trên được thực hiện lồng ghép để đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ của ngành lâm nghiệp).

d) Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 - 2030.

4. Giải pháp chủ yếu:

a) Cơ chế, chính sách:

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách đầu tư hiện hành theo quy định của pháp luật; Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ; Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện chính sách đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh theo Quyết định số 1662/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các chính sách mới được ban hành trong giai đoạn 2026 - 2030.

b) Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật và khuyến lâm:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục phổ biến pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp;

- Tăng cường quản lý các khu rừng đặc dụng, phòng hộ, bảo vệ nguồn gen, bảo tồn đa dạng sinh học, cung cấp các dịch vụ môi trường rừng, du lịch sinh thái, hấp thụ các - bon...

- Tăng cường tập huấn nghiệp vụ để nâng cao năng lực và chất lượng hoạt động của lực lượng kiểm lâm, đặc biệt là khu vực rừng phòng hộ/đặc dụng, hỗ trợ nghiệp vụ chuyên môn cho các Ban quản lý rừng phòng hộ, các Vườn quốc gia và chính quyền cấp xã trong quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy - chữa cháy rừng.

- Tích cực chuyển giao các mô hình sản xuất có hiệu quả cho các hộ dân, hỗ trợ thành tổ hợp tác, lập HTX trong lâm phần nhằm thực hiện việc liên kết nhóm hộ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững, sản xuất hàng hóa tập trung, theo chuỗi giá trị, nâng cao giá trị hàng hóa lâm, ngư, nông nghiệp.



- Đẩy mạnh thực hiện trồng rừng gỗ lớn, chuyển hóa rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn; trước mắt kinh doanh rừng gỗ nhỏ kết hợp gỗ lớn, sau đó nâng dần tỷ lệ diện tích trồng rừng gỗ lớn đáp ứng nhu cầu thị trường.

★ Phát triển và nhân rộng bền vững mô hình trồng rừng - tôm bền vững có chứng nhận quốc tế (tôm sinh thái), thu hút đầu tư du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

- Huy động mọi nguồn lực xã hội xây dựng các công trình bảo vệ bờ biển, hạn chế sạt lở, gây bồi tạo bãi trồng rừng ngập mặn. Khuyến khích liên kết, hợp tác đầu tư trồng rừng, bảo vệ và phát triển rừng, hình thành vùng nguyên liệu tập trung, liên kết giữa trồng rừng, chế biến gỗ và thị trường tiêu thụ theo chuỗi giá trị trong lâm nghiệp.

- Tăng cường trồng cây phân tán trong Nhân dân, trồng cây phòng hộ ven sông, kênh, rạch chống sạt lở bảo vệ đất đai. Lòng ghép công tác tuyên truyền bảo vệ rừng, bảo vệ cây ven sông, cây phân tán góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu, chống sạt lở, bảo vệ đất, bảo vệ tài sản Nhân dân nơi có dân cư sinh sống ven sông, ven biển.

- Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về rừng và đất lâm nghiệp theo quy định.

c) Khoa học, công nghệ và phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng, triển khai thực hiện các đề tài, dự án khoa học; quy trình kỹ thuật thâm canh rừng và trồng rừng gỗ lớn; ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong sản xuất lâm nghiệp, chế biến gỗ và lâm sản nhằm nâng cao giá trị, năng suất, chất lượng.

- Gắn kết các tổ chức nghiên cứu khoa học với doanh nghiệp và người trồng rừng; nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực lâm nghiệp.

- Khuyến khích, hợp tác với các Viện, trường, doanh nghiệp tổ chức đào tạo, nâng cao kỹ năng cho lao động ngành lâm nghiệp, gắn với chuyển giao công nghệ, kỹ thuật và quy trình sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường.

- Ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong khai thác, vận chuyển, phân loại lâm sản rừng trồng, trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản sau thu hoạch nông lâm sản.

- Ứng dụng UAV (flycam) kết hợp hệ thống cảm biến IoT để giám sát cháy rừng; đẩy mạnh ứng dụng GIS và viễn thám (remote sensing) theo dõi diễn biến rừng.

d) Kiện toàn, đổi mới tổ chức sản xuất

- Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp lâm nghiệp nhà nước; khuyến khích hình thành các doanh nghiệp, hợp tác xã lâm nghiệp và các hình thức liên kết hợp tác, tạo vùng nguyên liệu tập trung phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp; thúc đẩy phát triển kinh tế lâm nghiệp hiệu quả.

- Tổ chức sản xuất theo liên kết theo chuỗi, từ trồng rừng, khai thác rừng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và năng lực cạnh tranh; khuyến khích các doanh nghiệp lớn, có uy tín, có thương hiệu, có nhà máy chế biến gỗ và thị trường tiêu thụ, tham gia đầu tư trong sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản gắn với vùng nguyên liệu tại tỉnh.

- Khuyến khích hình thành các hiệp hội hỗ trợ phát triển rừng sản xuất, các sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ...; nâng cao năng lực cho chủ rừng, doanh nghiệp trong tổ chức sản xuất, thương mại trong nước và quốc tế.

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các mô hình hợp tác sản xuất lâm nghiệp; tạo điều kiện để cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp góp phần tổ chức sản xuất lâm nghiệp theo hướng hàng hóa; xây dựng và phát triển các vùng sản xuất quy mô lớn.

5. Nhu cầu vốn đầu tư

Tổng dự toán nhu cầu vốn thực hiện kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030 là: 1.572.868 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách nhà nước: 97.954 triệu đồng.
- Vốn tổ chức, hộ gia đình, vốn hợp pháp khác: 1.474.914 triệu đồng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì và là đầu mối quản lý và tham mưu triển khai thực hiện kế hoạch này, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan quản lý và tổ chức thực hiện kế hoạch trên địa bàn tỉnh;

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt các đề án, dự án để thực hiện kế hoạch;

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện, định kỳ hoặc đột xuất, hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định; tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết kế hoạch theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, đơn vị, chủ rừng có liên quan rà soát, hoàn thành việc giao đất, giao rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, bảo đảm tất cả diện tích rừng và đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp phải có chủ thực sự; đảm bảo đủ các điều kiện để tổ chức quản lý bảo vệ rừng và phát triển bền vững tài nguyên rừng.

2. Sở Tài chính

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch, đề án, dự án, công trình có liên quan để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ được phê duyệt.

3. Các sở, ban, ngành có liên quan

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện kế hoạch; tham gia kiểm tra, giám sát và đôn đốc thực hiện kế hoạch này trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ.



4 Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn; giao nhiệm vụ cho các đơn vị chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng đề án, dự án, kế hoạch có liên quan trên địa bàn trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt để thực hiện hiệu quả theo quy định.

- Bố trí ngân sách địa phương, huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển lâm nghiệp. Xây dựng các đề án, dự án phù hợp với đặc điểm và thế mạnh của từng địa phương.

- Chỉ đạo thực hiện, tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch trên địa bàn; thực hiện chế độ báo cáo, đánh giá theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường và theo các quy định hiện hành.

(Chi tiết các nhiệm vụ thực hiện tại các Phụ lục kèm theo)

Phụ lục 01:



**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ LÂM NGHIỆP GẮN VỚI BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG
MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

(Kèm theo Quyết định số 02474/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện Kế hoạch năm 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030					Ghi chú
				KH 2026	KH 2027	KH 2028	KH 2029	KH 2030	
01	Trồng rừng mới	Ha	300	180	180	180	180	180	
02	Diện tích có rừng tập trung	Ha	97.140	97.320	97.500	97.680	97.860	98.040	
03	Tỷ lệ độ che phủ rừng (không kể cây phân tán)	%	12,23	12,25	12,28	12,30	12,34	12,40	
04	Sản lượng gỗ khai thác rừng	M3	650.000	676.000	678.000	680.000	685.000	690.000	

(Kèm theo Quyết định số 02474/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

[illegible]

hiệu

KẾ

Tổng

(Kèm theo Quyết định số 02474/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

[illegible]

TT		Nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình (tr.đ)														
		Tổng	Nguồn NSNN													Vốn hợp pháp khác
			Tổng	Vốn đầu tư ngân sách nhà nước theo năm					Vốn sự nghiệp NSTW theo năm							
				Tổng	2026	2027	2028	2029	2030	Tổng	2026	2027	2028	2029	2030	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
a	Rừng phòng hộ	134.375														134.375
b	Rừng sản xuất	942.000														942.000
4	Trồng cây phân tán	52.700	5.700							5.700	900	1.200	1.200	1.200	1.200	47.000
5	Chăm sóc rừng	271.354	2.559	2.559	709	620	615	615								268.795
a	Rừng đặc dụng	2.271	2.271	2.271	471	600	600	600								
b	Rừng trồng phòng hộ	45.133	288	288	238	20	15	15								44.845
c	Rừng trồng sản xuất	223.950														223.950
6	Quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng	3.200	3.200							3.200			1.000	1.100	1.100	
7	Giống cây lâm nghiệp															
8	Đầu tư kết cấu hạ tầng LN															
9	Hoạt động PCCR															
10	Giám sát đa dạng sinh học khu rừng đặc dụng															
11	Hoạt động chuyên ngành	2.500	2.500							2.500	500	500	500	500	500	
12	Quản lý Chương trình, kế hoạch	1.250	1.250							1.250	250	250	250	250	250	

PHỤ LỤC 04:



**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ LÂM NGHIỆP GẮN VỚI BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG
TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

(Kèm theo Quyết định số 02474/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Nhiệm vụ	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Cấp phê duyệt
1	2	3	4	5
01	Dự án đầu tư (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) trồng rừng phòng hộ, sản xuất Ban Quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng	Ban Quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng	Năm 2026 - 2030	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/ Ủy quyền Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường
02	Dự án đầu tư (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) trồng rừng phòng hộ, sản xuất Ban Quản lý rừng phòng hộ Đất Mũi	Ban Quản lý rừng phòng hộ Đất Mũi	Năm 2026 - 2030	nt
03	Dự án đầu tư (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) trồng rừng phòng hộ, sản xuất Ban Quản lý rừng phòng hộ Tam Giang	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tam Giang	Năm 2026 - 2030	nt
04	Dự án đầu tư (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) trồng rừng phòng hộ, sản xuất Ban Quản lý rừng phòng hộ Biển Tây	Ban Quản lý rừng phòng hộ Biển Tây	Năm 2026 - 2030	nt
05	Dự án đầu tư (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) trồng rừng phòng hộ, đặc dụng Ban Quản lý rừng đặc dụng - phòng hộ Bạc Liêu	Ban Quản lý rừng đặc dụng - phòng hộ Bạc Liêu	Năm 2026 - 2030	nt
06	Dự án đầu tư (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) trồng rừng đặc dụng Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	Năm 2026 - 2030	nt
07	Dự án đầu tư (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) trồng rừng đặc dụng Vườn Quốc gia U Minh Hạ	Vườn Quốc gia U Minh Hạ	Năm 2026 - 2030	nt
08	Dự án đầu tư (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) trồng rừng sản xuất Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển	Năm 2026 - 2030	nt
09	Dự án đầu tư (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) trồng rừng sản xuất Gỗ lớn Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ	Năm 2026 - 2030	nt
10	Dự án (Kế hoạch) trồng cây xanh phân tán (hằng năm).	Chi cục Kiểm lâm/Ủy ban nhân dân xã, phường	Năm 2026 - 2030	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường
11	Dự án nâng cao năng lực xây dựng, thực hiện Phương án Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng	Chi cục Kiểm lâm/Ủy ban nhân dân xã, phường	Năm 2026 - 2030	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/ Ủy quyền Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường



TT	Nhiệm vụ	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Cấp phê duyệt
1	2	3	4	5
12	Dự án nâng cao năng lực bảo vệ rừng và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	Năm 2026 - 2030	Quyết định Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
13	Dự án nâng cao năng lực bảo vệ rừng và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Vườn Quốc gia U Minh Hạ	Vườn Quốc gia U Minh Hạ	Năm 2026 - 2030	nt
14	Dự án nâng cao năng lực bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2026 - 2030	nt
15	Phương án quản lý rừng bền vững Ban Quản lý rừng đặc dụng - phòng hộ Bạc Liêu	Ban Quản lý rừng đặc dụng - phòng hộ Bạc Liêu	Năm 2026 - 2030	nt
16	Đề án du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí Vườn Quốc gia U Minh Hạ	Vườn Quốc gia U Minh Hạ	Năm 2026 - 2030	nt
17	Đề án du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	Năm 2026 - 2030	nt
18	Đề án du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí Ban Quản lý rừng đặc dụng - phòng hộ Bạc Liêu	Ban Quản lý rừng đặc dụng - phòng hộ Bạc Liêu	Năm 2026 - 2030	nt
19	Đề án du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí Ban Quản lý rừng phòng hộ Đất Mũi	Ban Quản lý rừng phòng hộ Đất Mũi	Năm 2026 - 2030	nt
20	Đề án du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí Ban Quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng	Ban Quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng	Năm 2026 - 2030	nt
21	Dự án đầu tư du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất	Chủ rừng là tổ chức	Năm 2026 - 2030	Cấp có thẩm quyền/chủ đầu tư
22	Các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học, tín chỉ các-bon rừng, các nhiệm vụ chuyên ngành khác	Sở/ngành/chủ rừng/địa phương/đơn vị	Năm 2026 - 2030	Cấp có thẩm quyền/chủ đầu tư
23	Các dự án về cải thiện chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm/Chủ rừng là tổ chức	Năm 2026 - 2031	Quyết định Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh